TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NAM TRỰC** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 56/2019/HS-ST.
Ngày: 04-11-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM TRỰC, TỈNH NAM ĐỊNH

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Mạnh Cường

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà: Lê Thị Huyền

Bà: Ngô Thị Thanh.

-Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Hồng – Thư ký Toà án nhân dân huyện Nam Trực.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực tham gia phiên toà: Ông Lê Duy Khôi – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định mở phiên toà sơ thẩm công khai xét xử vụ án hình sự thụ lý số: 55/2019/HSST ngày 16 tháng 10 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2019/HSST- QĐ ngày 23 tháng 10 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: Phạm Văn T; Tên gọi khác: T; Sinh ngày: 05 tháng 12 năm 2000; Nơi ĐKHKTT,chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam;Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Tự do; Con ông: Phạm Văn T; Sinh năm: 1975; Con bà: Cao Thị T; Sinh năm: 1976.

Tiền án: Không

Tiền sự: Không

Nhân thân: + Ngày 18/11/2016 bị Công an huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định xử phạt hành chính về hành vi "Trộm cắp tài sản".

+ Ngày 26/4/2018 Tòa án nhân dân Quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội xử phạt 17 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản";

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23/8/2019 đến ngày 26/8/2019 chuyển tạm giam. Đến nay có mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Đỗ Quốc B- Sinh ngày: 26/02/2002

Nơi cư trú: Thôn T, xã N, huyện N,tỉnh Nam Định.

Người đại diện theo pháp luật của bị hại:

Chị: Đỗ Thị P(là chị gái của Đỗ Quốc B)

Nơi cư trú: Thôn T, xã N, huyện N,tỉnh N.

(Tại phiên tòa, anh B, chị P vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Anh: Trần Văn D; Sinh năm 1996

Nơi cư trú: thôn T, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

(Tại phiên tòa, anh D có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 22 giờ ngày 02/8/2019, bị cáo đi chơi cùng với Phạm Xuân B; Đỗ Quốc B, Phạm Văn Hg và Nguyễn Quốc K. Khi đi bị cáo điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave BKS 18K1- 409.07 của bố đẻ bị cáo; H điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream BKS 29- 962M8; Đỗ Quốc B điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave BKS 16N3-0528. Đến khoảng 05 giờ sáng ngày 03/8/2019 bị cáo cùng B, H, K, B vào thuê phòng và ngủ tại phòng 202 Nhà nghỉ Minh Ngọc ở Quán Chiền, xã Nam Dương, huyện Nam Trực. Khi vào nhà nghỉ T, B, H để xe mô tô của mình ở nhà để xe tầng 1 rồi tất cả lên ngủ tại phòng 202. Đến khoảng 08 giờ cùng ngày, bị cáo tỉnh dậy thì thấy B, H, K, B vẫn đang ngủ. Do thiếu tiền, bị cáo đã nảy sinh ý định trộm cắp xe mô tô của Đỗ Quốc B để bán lấy tiền tiêu xài. Sau đó, bị cáo lấy chìa khóa xe và đăng ký xe mô tô BKS 16N3-0528 của Bảo để ở trên bàn trong phòng rồi đi xuống dưới tầng 01 nhà nghỉ, lấy xe mô tô BKS 16N3-0528 sau đó điều khiển xe đến nhà anh Trần Văn D. Tại đây, bị cáo nói với D đây là xe của bạn nhờ bán, anh D tin tưởng nên mua chiếc xe mô tô BKS 16N3-0528 với giá 3.000.000 đồng. Bị cáo nhận tiền và dùng để tiêu xài cá nhân hết. Ngày 03/8/2019 Đỗ Quốc B làm đơn trình báo đến Cơ quan CSĐT- Công an huyện Nam Trực về việc mất xe mô tô BKS 16N3-0528. Ngày 03/8/2019, bị cáo đã giao nộp cho Cơ quan CSĐT- Công an huyện Nam Trực 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave BKS 16N3-0528 và 01 đăng ký của xe mô tô Honda Wave BKS 16N3-0528 mang tên Lều Thị V; Phạm Văn H tự động giao nộp 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave BKS 18K1-409.07 của bị cáo. Đến ngày 23/8/2019, bị cáo đến cơ quan CSĐT- Công an huyện Nam Trực đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Vật chứng thu giữ gồm: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave BKS 16N3-0528; 01 đăng ký xe mô tô BKS 16N3-0528 mang tên Lều Thị Vân A; 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave BKS 18K1-409.07.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 20 ngày 07/ 8/ 2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện Nam Trực kết luận: 01 chiếc xe mô tô Wave màu đen đã được bọc dán màu trắng, BKS 16N3-0528 có giá trị tại thời điểm xảy ra vụ việc là 7.900.000đồng.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Nam Trực xác định chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave BKS 16N3-0528 là của chị Đỗ Thị P (chị gái B) mua lại của người khác ở Hải Phòng nhưng chưa làm thủ tục sang tên. Sau đó đưa xe cho B sử dụng. Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Nam Trực đã trả lại cho anh Đỗ Quốc B 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave BKS 16N3-0528; 01 đăng ký xe mô tô BKS 16N3-0528. Anh B không đề nghị bồi thường về mặt dân sự. Ngày 10/9/2019 Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện Nam Trực đã trả lại 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave BKS 18K1-409.07 cho ông Phạm Văn T (Bố đẻ của bị cáo).

Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, anh Trần Văn D yêu cầu bị cáo Thủy phải trả cho anh số tiền 3.000.000 đồng.

Bản cáo trạng số: 58/CT-VKS ngày 15/10/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định truy tố bị cáo Phạm Văn T về tội "Trộm cắp tìa sản" theo khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố và có sửa đổi, bổ sung bản cáo trạng và đề nghị: Căn cứ khoản 1 điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự

Tuyên bố bị cáo Phạm Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt Phạm Văn T từ 15 tháng tù đến 18 tháng tù. Trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải hoàn trả cho anh D số tiền là 3.000.000 đ. Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Nam Trực, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Trực, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền,trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai của bị cáo tại phiên toà và tại cơ quan điều tra phù hợp với các chứng cứ khác như: Biên bản tiếp nhận được phạm tội ra tự thú ngày 23/8/2019, Bản kết luận định giá tài sản số 20/KLĐG ngày 07/8/2019, Đơn trình báo của Đỗ Quốc B, Biên bản lấy lời khai của Trần Đức D, Biên bản lấy lời khai của Nguyễn Quốc K, Đỗ Quốc B, Phạm Văn H.... Từ các chứng cứ trên đã đủ căn cứ kết luận: Khoảng 08 giờ, ngày 03/8/2019 tại nhà nghỉ Minh Ngọc ở Quán Chiền, xã Nam Dương, huyện Nam Trực, lợi dụng sự sơ hở mất cảnh giác của anh Đỗ Quốc B bị cáo đã lén lút lấy trộm 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave BKS

16N3-0528; 01 đăng ký xe mô tô BKS 16N3-0528 có trị giá là 7.900.000đồng. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm tới quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật hình sự bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bản thân bị cáo là người có đủ khả năng nhận thức việc lén lút lấy tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện. Do đó, hành vi trên của bị cáo đã phạm tội "Trộm cắp tài sản". Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên toà bị cáo khai báo thành khẩn; sau khi xảy ra sự việc bị cáo đã đến cơ quan điều tra để đầu thú Vì vậy, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào.

[4] Về hình phạt: Qua đánh giá tính chất mức độ nghiêm trọng của hành vi, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của bị cáo. Hội đồng xét xử thấy cần xử phạt bị cáo hình phạt tù có thời hạn, tiếp tục cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để bị cáo cải tạo mình thành công dân có ích cho xã hội cũng như răn đe và phòng ngừa chung.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Anh Đỗ Quốc B đã nhận lại xe và không có yêu cầu gì. Vì vậy không đặt ra để xem xét. Đối với yêu cầu của anh D buộc bị cáo phải hoàn trả cho anh số tiền mà anh đã mua xe là 3.000.000 đồng. Xét thấy, khi anh D mua xe không biết là xe của bị cáo đi trộm cắp mà có. Đồng thời giao dịch giữa anh D và bị cáo là vô hiệu nên buộc bị cáo phải có hoàn trả cho anh D số tiền này.

[6]Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7]Về quyền kháng cáo: Bị cáo, anh D có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh B, chị P có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1.Căn cứ: khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51Bộ luật Hình sự:

- Tuyên bố bị cáo Phạm Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Xử phạt Phạm Văn T 15(Mười lăm) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính ngày 23/8/2019.

2.Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 131 Bộ luật dân sự: Buộc bị cáo phải hoàn trả cho anh Trần Đức D số tiền 3.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động thi hành án) hoặc kể từ ngày người được thi

hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

3.Án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Căn cứ Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Bị cáo Phạm Văn T phải nộp 200.000(Hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000(Ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, anh D có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh B, chị Ph, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Mạnh Cường

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh+huyện;
- Chi cục THADS huyện Nam Trực;
- Công an huyện Nam Trực;
- UBND xã N;
- Bị cáo;
- Bị hại, đại diện bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu HS+VP.